TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K,** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HS-ST
Ngày 18-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Quý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Trung Thành
2. Ông Trần Hữu Ước

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đình Nhất - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 13/2018/TLST-HS ngày 06/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2018/QĐXXST-HS ngày 04/10/2018 đối với các bị cáo:

1. Bùi Tiến A, sinh năm 1989, tại xã T, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Đăng Y và bà Hứa Thị L; có vợ là Nguyễn Thị U và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Ma Quốc B, sinh năm 1991, tại thị trấn P, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; nơi cư trú: Số nhà S, tổ dân phố R, thị trấn P, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ma Zét M và bà Ninh Thị N; có vợ là Nguyễn Thị O và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Bị hại: Anh Lù Văn C, sinh năm 1976; nơi cư trú: Xóm D, thôn E, thị trấn H, huyện K, tỉnh Hà Giang; dân tộc: La Chí; nghề nghiệp: làm ruộng; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Bùi Đăng Y, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; dân tộc: Kinh; nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí; có mặt.

- Người làm chứng: Chị Tống Thị G, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện X, tỉnh Tuyên Quang; vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 26/6/2018 Bùi Tiến A điều khiển xe ô tô tải BKS 22C-051.80 của gia đình do ông Bùi Đăng Y làm chủ hộ đến đón Ma Quốc B đi lên huyện I, tỉnh Hà Giang lấy cây dương sỉ đem về bán. Khi đi đến km 03, đường tỉnh lộ 178 hướng K - I thuộc địa phận thôn E, thị trấn H, huyện K lúc này khoảng hơn 00 giờ ngày 27/6/2018 thì A và B nhìn thấy 01 con trâu cái, lông màu trắng, sừng dài 20cm, khoảng 02 tuổi, bị thương ở mông và chân sau bên trái, của gia đình anh Lù Văn C đang nằm ở cạnh đường không có người trông coi, A nảy sinh ý định trộm cắp rồi nói với B: "Tao với mày trộm cắp con trâu kia mang về huyện X bán lấy tiền chia nhau đi", B trả lời "Ừ". A điều khiển xe ô tô đi khoảng 1,5km tìm được chỗ quay đầu xe trở lại hướng I - K, A bảo B xuống xe dắt trâu, còn A lái xe ô tô đi khoảng 300 mét, lùi xe vào mô đất cao cạnh đường rồi cùng B đuổi dắt con trâu lên thùng xe ô tô, sau đó điều khiển xe đi về thị trấn P, huyện X, tỉnh Tuyên Quang khoảng 05 giờ sáng. A và B chở trâu đến nhà chị Tống Thị G trú tại thôn C, xã Đ, huyện X (cơ sở mổ trâu, bò) gạ bán, chị G xem trâu và trả giá 8.000.000đ, A và B không bán mà tiếp tục lái xe đi tìm địa điểm khác để tiêu thụ. Trên đường đi tìm chỗ bán trâu, ông Y là bố của A gọi điện cho A hỏi: "Chúng mày đi đâu, làm gì mà để công an đến tận nhà tìm". Đoán biết là hành vi trộm cắp trâu đã bị phát hiện nên A, B đã đến Công an huyện X, tỉnh Tuyên Quang đầu thú vào hồi 09 giờ 35 phút ngày 27/6/2018 và giao nộp xe ô tô BKS 22C-051.80 cùng con trâu trộm cắp. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô và con trâu cho chủ sở hữu, các bị cáo bồi thường cho bị hại công đi tìm và chăm sóc trâu mỗi bị cáo 1.800.000đ, tổng cộng 3.600.000đ.

Tại Kết luận số 149-KL/HĐĐG ngày 28/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện K xác định 01 con trâu cái, da, lông màu trắng, khoảng 02 năm tuổi, trọng lượng khoảng 70kg thịt, trị giá 15.500.000đ.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 06/9/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Bùi Tiến A, Ma Quốc B về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, thấy con trâu ở ngoài đường không có người trông coi, đã bột phát, tức thời phạm tội, biết hành vi trộm cắp của mình là vi phạm pháp luật, nên đã ra đầu thú và giao nộp lại tài sản để trả lại cho bị hại, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo, các bị cáo hứa sẽ tự cải tạo, tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không yêu cầu gì về bồi thường dân sự và vật chứng trong vụ án; đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội Trộm cắp tài sản, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Tiến A từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Xử phạt bị cáo Ma Quốc B từ 07 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 14 đến 18 tháng; về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và tiền bồi thường, không yêu cầu gì khác, nên không xem xét; về vật chứng, đã trả lại cho chủ sở hữu trong quá trình điều tra, không có ai yêu cầu gì, nên không phải xử lý; buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát huyện K, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có khiếu nại, tố cáo. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp; về tài liệu, chứng cứ do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập trong hồ sơ vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi trộm cắp tài sản của các bị cáo: Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản vụ việc, biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú, biên bản khám nghiệm hiện trường, kèm sơ đồ, bản ảnh, biên bản xác định hiện trường kèm bản ảnh, biên bản thực nghiệm điều tra kèm bản ảnh, vật chứng và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội được thể hiện, Khoảng 21 giờ ngày 26/6/2018 A điều khiển xe ô tô tải BKS 22C-051.80 của gia đình cùng B đi lên huyện I, tỉnh Hà Giang lấy cây dương sỉ đem về bán, trên đường đi đến km 03, đường tỉnh lộ 178 hướng K - I thuộc địa phận thôn E, thị trấn H, huyện K, tỉnh Hà Giang, lúc này khoảng hơn 00 giờ ngày 27/6/2018, A và B nhìn thấy 01 con trâu cái, lông màu trắng, sừng dài 20cm, khoảng 02 tuổi, bị thương ở mông và chân sau bên trái, trị giá 15.500.000đ của gia đình anh C đang nằm ở cạnh đường không có người trông coi, A nảy sinh ý định trộm cắp rồi nói với B, B đồng ý, sau đó A và B đuổi dắt con trâu lên thùng xe ô tô, điều khiển xe đi về thị trấn P, huyện X, tỉnh Tuyên Quang tìm nơi tiêu thụ, do đoán biết là hành vi trộm cắp trâu đã bị phát hiện nên A, B đã đến Công an huyện X, tỉnh Tuyên Quang đầu thú. Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến 50.000.000đ..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*". Như vậy, hành vi trộm cắp trâu nêu trên của các bị cáo, đã phạm tội Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện Kiểm sát quyết định truy tố và quan điểm xử lý trách nhiệm hình sự của đại diện Viện Kiểm sát đối với các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo nhận thức được trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, lợi dụng đêm tối, không có người trông coi tài sản để lén lút trộm cắp, hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác về tài sản, gây hoang mang dao động trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự, an ninh tại địa phương, nên cần phải xử lý bằng biện pháp hình sự để giáo dục, cải tạo và phòng ngừa tội phạm. Trong vụ án này bị hại cần phải rút kinh nghiệm trong công tác quản lý tài sản, tránh để sơ hở, mất cảnh giác như con trâu nói trên dẫn đến phát sinh tội phạm.

[3] Tính chất, vai trò của đồng phạm: Vụ án có nhiều người cố ý cùng thực hiện một tội phạm, là đồng phạm, nhưng không có sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm nên không bị coi là phạm tội có tổ chức. Đối với bị

cáo Bùi Tiến A vừa là người rủ rê, khởi xướng vừa là người thực hành, trực tiếp thực hiện tội phạm nên phải chịu mức hình phạt cao hơn. Đối với bị cáo Ma Quốc B là người thực hành cùng bị cáo A trực tiếp thực hiện tội phạm nên phải chịu mức hình phạt tương xứng.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cần áp dụng cho các bị cáo khi quyết định hình phạt. Các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, ngoài lần phạm tội này các bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nơi cư trú; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo bản thân. Vì vậy, thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đảm bảo được sự giáo dục, cải tạo người phạm tội và đấu tranh phòng, chống tội phạm, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự, các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo đều chưa có việc làm ổn định, hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Vì vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và số tiền bồi thường 3.600.000đ, không yêu cầu gì khác, nên không xem xét.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả cho chủ sở hữu 01 con trâu cái, lông màu trắng, sừng dài 20cm, khoảng 02 tuổi; 01 xe ô tô tải nhãn hiệu THACO, BKS 22C-051.80 kèm theo giấy chứng nhận đăng ký và chìa khóa xe ô tô là đúng pháp luật, ngoài ra không thu giữ vật chứng gì khác và không có ai yêu cầu gì về vật chứng nên không phải xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Bùi Tiến A, Ma Quốc B phạm tội Trộm cắp tài sản.

Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Tiến A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã T, huyện X, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xử phạt bị cáo Ma Quốc B 08 (tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn P, huyện X, tỉnh Tuyên Quang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Bùi Tiến A, Ma Quốc B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Bùi Tiến A, Ma Quốc B, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hánh án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hánh án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Ngoài ra, người có quyền lợi có liên quan trong quá trình thi hành án có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7b Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- Sở Tư pháp Hà Giang;
- Phòng PV27, PC81 Công an tỉnh;
- VKSND huyện K;
- CA huyện K;
- CCTHADS huyện K;
- UBND xã T, huyện X;
- UBND thị trấn P, huyện X;
- Các bị cáo; bị hại, người liên quan;
- Lưu hồ sơ, VP, AV.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Xuân Quý